

LỜI GIỚI THIỆU

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment - FDI) là một trong những nguồn lực phát triển quan trọng bậc nhất trong thời đại ngày nay, đặc biệt là đối với các nền kinh tế “đi sau”.

Ở Việt Nam, trong bước chuyển mang tính cách mạng của nền kinh tế - từ hệ thống kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang hệ thống kinh tế thị trường, cùng với mở cửa thương mại, FDI được coi là một trong hai động lực phát triển bên ngoài quan trọng nhất, tạo thành “đôi cánh” giúp nền kinh tế chuyển mình và bay lên, trong quỹ đạo thị trường mở cửa và hội nhập quốc tế.

Cho đến nay, Việt Nam vẫn được coi là một trong những nền kinh tế thành công trong việc tận dụng “lợi thế đi sau”, thu hút mạnh mẽ nguồn lực từ bên ngoài, đặc biệt là dòng FDI, để giải quyết các vấn đề phát triển đã tồn đọng nhiều thập kỷ, thu hẹp khoảng cách tụt hậu phát triển, nhanh chóng vươn lên tiến cùng thời đại.

Thành tích đó là to lớn và không thể phủ nhận.

Nhưng điều đó không có nghĩa là mọi vấn đề liên quan đến FDI đều suôn sẻ, đều mang lại lợi ích phát triển cho đất nước như mong đợi. Là một công cụ kinh tế đặc biệt hữu dụng, có thể mang lại lợi ích to lớn cho cả “người cho” lẫn “người nhận”, trong thế giới cạnh tranh - đua tranh khốc liệt, thậm chí đối kháng và thù địch, FDI còn là một vũ khí sắc bén, nghĩa là chứa đựng cả nguy cơ mang rủi ro đến cho cả bên “cho” lẫn bên “nhận” nó.

Việt Nam không phải là một ngoại lệ của chân lý đó.

FDI là nguồn lực giúp kinh tế Việt Nam đạt những thành tích phát triển được coi là ngoạn mục: nhập vào quỹ đạo phát triển mới, đóng góp không nhỏ, thậm chí ngày càng lớn vào tăng trưởng GDP, tạo việc làm

cho người lao động - dù chủ yếu là lao động kỹ năng thấp, xứng đáng với danh hiệu là một động lực tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế.

Nhưng “tám huân chương nào cũng có hai mặt”. Bên cạnh những đóng góp phát triển to lớn ở Việt Nam, FDI cũng phát sinh những hậu quả, tiềm chứa cả những rủi ro tầm chiến lược: Trình độ công nghệ không cao, tạo giá trị gia tăng thấp, gây tác động môi trường xấu, ít liên kết phát triển với khu vực kinh tế bản địa, thậm chí còn tranh chấp, chèn ép phát triển đối với các doanh nghiệp nội, và đặc biệt là hình thành nên một khu vực kinh tế gần như là “biệt lập” trong nền kinh tế Việt Nam. Vì lẽ đó, trong nhiều năm, người ta hay đề cập đến tình trạng “nhị nguyên” của kinh tế Việt Nam, với sự tách rời của khu vực “nội” và khu vực “ngoại”. Nguyên tắc “nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng” trong đường lối phát triển kinh tế của Đảng đã không được thực hiện một cách đầy đủ, dẫn tới chỗ chức năng quan trọng nhất của dòng vốn FDI - cải tạo kỹ thuật, công nghệ nền kinh tế; liên kết và thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của khu vực kinh tế bản địa - đã bị xem nhẹ, nhường vị trí ưu tiên cho những mục tiêu dù quan trọng nhưng về nguyên tắc, nặng về thành tích số lượng, phải ở vị trí thấp hơn trong bảng xếp hạng như đóng góp GDP, đóng góp xuất khẩu, đóng góp tạo việc làm nói chung. Những tiêu chuẩn chất lượng trong sự đóng góp của khu vực này - chất lượng tăng trưởng, giá trị gia tăng, trình độ công nghệ, lao động kỹ năng, tác động môi trường,... có phần bị xem nhẹ.

Cách tiếp cận chính sách như vậy với khu vực FDI kéo dài trong nhiều năm và để lại những hậu quả không nhỏ. Cho nên, không hề là tình cờ khi sau hơn 30 năm thu hút FDI được coi là “thành công”, tháng 8 năm 2019, lần đầu tiên, Bộ Chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam lại đưa ra một Nghị quyết riêng về FDI, trong đó, đánh giá kết quả “hai mặt” của FDI một cách khách quan, chỉ ra nguyên nhân và đề xuất cho giai đoạn mới một cách tiếp cận chiến lược FDI mới mở ở nhiều điểm mang tính nguyên tắc.

Cũng giống như trên phạm vi thế giới, trên thực tế, xuyên suốt lịch sử đổi mới và phát triển kinh tế ở Việt Nam mấy chục năm qua, việc thu hút và sử dụng FDI luôn là một trong những chủ đề thảo luận và tranh

luận sôi nổi bậc nhất trên các diễn đàn học thuật và chính sách. Nguyên do là ở “tính có vấn đề” ở tầm mức chiến lược, ở cơ chế vận hành và chính sách thực thi của chính quá trình thực tiễn này.

Dù đã trải qua nhiều năm, nhưng đến nay cuộc tranh luận vẫn chưa chấm dứt - và nó sẽ còn tiếp tục kéo dài, với những khía cạnh lý luận và thực tiễn mới mẻ.

Cuốn sách các bạn đang cầm trên tay - “*FDI - Nhiệm vụ kép trong bối cảnh mới*” của TS. Phan Hữu Thắng - là một sản phẩm của quá trình đó, hay đúng hơn, là công trình tiếp tục quá trình đó - được viết với mục tiêu góp phần làm sáng tỏ vấn đề, và gan ruột hơn - nêu các đề xuất, gợi ý giúp giải quyết vấn đề.

Ý tưởng của cuốn sách - như được thể hiện cô đọng trong tiêu đề - là rõ ràng: khảo sát “sứ mệnh kép” của FDI - một mặt, là nguồn lực quan trọng giúp nền kinh tế của nước nhận đầu tư phát triển độc lập và tự cường; mặt khác, có khả năng trở thành một công cụ kìm hãm phát triển đối với nước nhận đầu tư, đặt họ vào tình trạng bị lệ thuộc, bị chèn ép và nô dịch phát triển - trên thực tế được thực hiện như thế nào ở Việt Nam trong hơn 30 năm qua.

Theo mạch vấn đề đó, không dừng lại ở cấp độ “nhận thức luận”, cuốn sách còn hướng tới mục tiêu thực tiễn sát sườn: Việt Nam cần triển khai một chiến lược FDI thế nào để thu được hiệu quả phát triển cao, đáp ứng các mục tiêu đặt ra trong tương lai, khi thời thế và các điều kiện thực thi đã thay đổi mạnh mẽ?

Tác giả cuốn sách, TS. Phan Hữu Thắng, thực sự là một trong những chuyên gia hàng đầu về FDI ở Việt Nam. Hầu như toàn bộ sự nghiệp của ông là dành cho FDI. Trong nhiều năm, ông đảm nhiệm chức Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chịu trách nhiệm chính và trực tiếp về FDI ở Việt Nam.

Ông viết cuốn sách này - cũng như với nhiều công trình khác, đều về chủ đề vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam với cương vị và trọng trách đó, cộng thêm phẩm chất của một nhà khoa học (tác giả là

tiền sĩ kinh tế) và trách nhiệm công dân. Cho nên, có cơ sở để tin rằng những gì được viết ra trong cuốn sách đều là kết tinh tri thức và kinh nghiệm hoạt động nhiều năm, được đúc kết lại, giống như “con tằm rút ruột nhả tơ”, của một người suốt đời vật lộn và trăn trở với công việc.

Cuốn sách phân tích lịch sử dòng FDI ở Việt Nam - tất nhiên, chỉ theo mạch chủ đề được chọn, trong đó, nêu ra hàng loạt vấn đề cả cũ tồn đọng lẫn mới phát sinh. Thật sự là đang rất ngồn ngàng. Nó phản ánh sự thấu hiểu, của một người “làm nghề”, cũng như sự trăn trở có trách nhiệm của một công dân.

Có thể chưa đạt chiều sâu và tính hệ thống mong muốn, chưa công hiến cho người đọc một hệ thống số liệu và tư liệu “xứng tầm” mà độc giả kỳ vọng ở tác giả, song cuốn sách có giá trị công hiến thật sự, trước hết ở khía cạnh nó chỉ ra tính “có vấn đề” của một quá trình chiến lược quan trọng hàng đầu trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn tới, nêu ra hàng loạt vấn đề tồn đọng và mới mẻ, đều cần phải được giải quyết ở mức độ cấp bách cao nhất.

Đó là những vấn đề “thách thức” tất cả chúng ta.

Xin trân trọng giới thiệu với các bạn cuốn sách.



PGS. TS. Trần Đình Thiên

***I**NTRODUCTION OF THE BOOK*

Foreign Direct Investment (FDI) is an important driver of the economy, especially at emerging countries.

In Vietnam's revolutionary economic transition – from a centrally planned to a market economy system with open door policies for trade, FDI is one of the two most important external drivers of development, creating “wings” to help the economy transform and grow in its pursuit of an open market and international integration.

To date, Vietnam is one of the economies which has turned being a latecomer to its advantage in attracting external resources, especially FDI capital, in order to resolve shortcomings that have been around for a century and narrow down the gap between itself and developed countries.

These achievements of FDI are undeniable.

However, it is not all smooth sailing, with only benefits awaiting the country. Being a useful economic tool that can bring great benefits to both the “giver” and the “receiver” in the fierce competition, even antagonism and hostility, FDI is also a sharp weapon which contains risks to both sides.

Vietnam is not immune to the dangers.

FDI is a driver that helps Vietnam acquire spectacular achievements in economic development such as making significant contributions to GDP growth and generating jobs (sadly almost all of which are unskilled jobs). Thus, FDI is truly deserving of the title of “economic growth engine”.

However, there are two sides to every coin. In addition to its great contributions to economic growth, FDI has also had negative impacts

and carries hidden strategic risks for Vietnam. These shortcomings include low-tech projects creating low added value, causing negative environmental impacts, loosen linkages with or even blocking domestic enterprises, and isolating the Vietnamese economy.

In the past years, the “dualism” of the Vietnamese economy has often been an issue, with sharp criticism for the separation of the “domestic” and “foreign” sectors. The principle of “internal force is decisive, external force is important” in the Party’s economic development path has not been thoroughly implemented and as a result, the most important function of FDI inflows (renovating the economy by applying science-technology while linking and promoting the development of the domestic economy) has been overlooked. Instead, we prioritize directing FDI contributions to less important goals like engorging GDP growth, or generating exports and jobs. Elevating the quality standards for this sector’s contribution, including quality of growth, added value, technological level, skilled labor, and environmental impact, are also a bit overlooked.

This inadequate approach to FDI has lasted for many years and has had serious consequences. Therefore, it was by no accident that after more than 30 successful years of attracting FDI, in August 2019, for the first time, the Politburo of the Communist Party of Vietnam issued a particular resolution in which it highlights the “double-sided” results of the FDI sector, pointing out the reason and proposing a new strategic approach.

Like everywhere in the world, throughout Vietnam’s history of innovation and economic development over the past few decades, the attraction and usage of FDI has always been one of the “hot” topics on academic and policy forums.

Despite many years, the debate over FDI has not ended and will continue to drag on with new theoretical and practical aspects emerging along the journey.

The book you are holding in your hand - “*FDI: Dual task in the new context*” by Dr. Phan Huu Thang - is a product of this process, another step on the way, which was written with the aim to clarify the problems and propose solutions the author believes to be best.

The idea of the book – as summed up by the title – is to take account of how the FDI sector has been performing its “dual task” in Vietnam during the past 30 years. One of these tasks is an important mission in ensuring the economic development of the country by safeguarding its independence and resilience. On the other hand, it also may become a tool which holds back the host country’s development, puts it into dependence, oppression and enslavement.

According to that circuit, the book does not stop at theory, it also targets finding a practical answer to what FDI strategy Vietnam needs to implement to achieve high growth and meet its goals in widely fluctuating circumstances.

The author, Dr. Phan Huu Thang, is truly one of the leading experts on FDI in Vietnam. Almost all of his career has been devoted to FDI. He is the former director of the Foreign Investment Agency under the Ministry of Planning and Investment, which is mainly and directly in charge of all problems pertaining to FDI in Vietnam.

He wrote this book, as well as other works on the topic of FDI in Vietnam, as a leading expert on FDI and a responsible citizen, with the meticulous care of a scientist (Dr. Thang is a doctor of economics) and full of civic responsibility. This book is the crystallization of knowledge and personal experience amassed over long decades.

In the book, the author also provides an overview of the history of FDI capital flows in Vietnam – as far as the subject matter allows, going into detail over a series of backlogged and newly-arisen issues. The book reflects the understanding of “an insider” as well as the concerns of a responsible citizen.

The book has true value in the dedication in depicting the “problematic” aspect of a major strategic process in the country’s socio-economic development in the coming period, while going over persistent and new problems which need to be addressed with the highest urgency.

These are challenging issues for all of us.

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Thien', with a long horizontal flourish extending to the right.

Assoc.Prof. Dr. Tran Dinh Thien

LỜI NÓI ĐẦU

FDI- NHIỆM VỤ KÉP TRONG BỐI CẢNH MỚI

Cum từ “nhiệm vụ kép” được sử dụng tại Việt Nam ngay sau khi đại dịch Covid-19 bùng phát ở Vũ Hán (Trung Quốc) vào cuối năm 2019, thể hiện rõ quyết tâm của Chính phủ và người dân Việt Nam “vừa phòng chống dịch thắng lợi, vừa phát triển kinh tế thành công”.

Đây là sự tiếp nối. Khi nhìn lại quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, cho thấy người Việt Nam đã rất ý thức thực hiện nhiệm vụ kép của mình “vừa dựng nước, vừa giữ nước”. Chính nhờ cách tiếp cận đó, nên trải qua hàng nghìn năm đấu tranh tồn tại trong những điều kiện cực kỳ khó khăn, nhưng nước ta vẫn phát triển vững mạnh. Việt Nam không chỉ không để giặc ngoại xâm lấn chiếm, đồng hóa mà còn đứng vững và tiến về phía trước. Chắc chắn trong tương lai và trong bất kỳ hoàn cảnh nào, dân tộc Việt Nam vẫn luôn giữ vững truyền thống yêu nước “dựng nước và giữ nước” anh hùng quý báu đó.

Có hàng loạt câu hỏi đặt ra: trong giai đoạn tới, khi bối cảnh và tình thế phát triển toàn cầu đã thay đổi sâu sắc, Việt Nam sẽ tiếp tục phát huy truyền thống “vừa dựng nước, vừa giữ nước” như thế nào trong bối cảnh mới để đứng vững trong cuộc đua hội nhập và cạnh tranh quốc tế khốc liệt, giải quyết thành công nhiệm vụ “thoát khỏi tụt hậu phát triển” để “sánh vai được với cường quốc năm châu”, giữ được truyền thống anh hùng yêu nước đó? Người Việt Nam chúng ta sẽ giữ được truyền thống yêu nước đó ở vị thế nào: tự cường vươn lên trong cuộc đua chiến thắng hay người phụ thuộc phát triển? trở thành người làm chủ hay người phải nương nhờ “bóng chủ”, dựa vào bên ngoài?

Việc nhấn mạnh các câu hỏi nêu trên không hề là tình cờ hay cường điệu tình thế phát triển của Việt Nam. Giống như nhiều nước đi sau khác, muốn giải quyết tốt các vấn đề phát triển của mình, Việt Nam

phải tận dụng tốt “lợi thế đi sau” mà thời đại trao cho. Trong lợi thế đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) luôn được coi là một nguồn lực thúc đẩy phát triển quan trọng hàng đầu đối với các nền kinh tế đi sau. Nhưng kinh nghiệm phát triển hàng trăm năm của thế giới cho thấy bên cạnh vai trò tích cực to lớn đó, FDI cũng chứa đựng cả nguy cơ lẫn rủi ro phát triển đối với các nước tiếp nhận FDI. Biết sử dụng FDI phục vụ cho những mục tiêu phát triển quốc gia, quốc gia đó sẽ bay lên. Nếu không, giá phải trả cho những lợi ích thu được sẽ rất đắt, mà đắt nhất chính là một hệ thống doanh nghiệp bản địa “èo uột”, khó lớn, không thể lớn, còn đất nước đánh mất dần quyền tự chủ và sức tự cường, lâm vào tình trạng “lệ thuộc phát triển” và bị nô dịch.

Trong bối cảnh mới, tình hình chính trị, kinh tế thế giới không thuận lợi cho đầu tư nước ngoài phát triển, khi đại dịch Covid-19 tiếp tục tác động xấu đến kinh tế toàn cầu, làm đứt gãy các chuỗi sản xuất, gây ra tình trạng kinh tế bị suy thoái và trì trệ nghiêm trọng, không loại trừ cả các tác động làm giảm mức phát triển của mọi nền kinh tế lớn. Trong khi cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh thương mại giữa các cường quốc, đặc biệt giữa Mỹ và Trung Quốc, vẫn tiếp tục diễn ra.

Tuy vậy, thách thức lớn hơn trong bối cảnh mới là Việt Nam đã và đang cần phải hội nhập rất sâu vào nền kinh tế toàn cầu, với những Hiệp định Thương mại Tự do thế hệ mới, tức là phải tiến hành liên kết, hội nhập và cạnh tranh phát triển với những đối tác phát triển hàng đầu thế giới với những điều kiện “thông thoáng” nhất.

Thêm vào đó, trên quy mô toàn thế giới, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư khi công nghệ và dịch bệnh đã và đang làm thay đổi sâu sắc cấu trúc kinh tế toàn cầu, đang thúc đẩy chuyển nhanh dần nền kinh tế truyền thống - vật thể sang nền kinh tế công nghệ cao - kinh tế số với quy mô tự động hóa sản xuất bao trùm hơn, phương thức điện tử hóa kinh doanh thông dụng hơn, vừa giúp giảm chi phí, vừa tiết kiệm được nguồn nhân lực, tiết kiệm được thời gian, nhưng đòi hỏi phải có một nguồn nhân lực chất lượng cao nắm vững khoa học và công nghệ.

Trong bối cảnh đó, để phát triển bền vững với hiệu quả cao, Việt Nam phải có cách đi mới: biết tập trung sức người - sức của đầu tư vào công nghệ cao, vào đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, vào phát triển mạnh khối doanh nghiệp tư nhân lên một đẳng cấp mới ngay cả trong điều kiện ngân sách nhà nước còn rất eo hẹp như hiện nay. Để đạt được mục tiêu đầy thách thức trong điều kiện đó, Việt Nam càng phải tận dụng xu thế hội nhập kinh tế quốc tế một cách khôn ngoan, tích cực tiếp tục hợp tác đầu tư nước ngoài để có được nguồn vốn ngoại lực tốt cho phát triển kinh tế - xã hội - tôi xin nhấn mạnh, phải là nguồn ngoại lực tốt, theo đúng nghĩa đã được Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về đầu tư nước ngoài xác định - là một hướng đi chiến lược đúng đắn để giải quyết các khó khăn và vượt qua các thách thức hiện nay. Do vậy, nhiệm vụ hợp tác đầu tư nước ngoài trong giai đoạn tới, cần được thiết kế lại với nhiệm vụ mới, phù hợp với bối cảnh mới, có khả năng đáp ứng các mục tiêu phát triển cao cả, nhưng như đã nói - mang tính thách thức rất cao, để có đóng góp mang tầm chiến lược - thời đại - thiết thực hơn vào công cuộc phát triển đất nước, theo đúng mục tiêu đã được xác định tại Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị nêu trên về đầu tư nước ngoài. Xin nêu tóm tắt các mục tiêu đã được xác định như sau:

- Chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu;
- Đa phương hóa, đa dạng hóa đối tác, hình thức đầu tư, đan xen lợi ích trong hợp tác đầu tư nước ngoài và kết nối hữu cơ với khu vực kinh tế trong nước, phù hợp với định hướng cơ cấu lại nền kinh tế và mục tiêu phát triển bền vững; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

Từ mục tiêu được xác định đó, đối với hợp tác đầu tư nước ngoài, cho thấy nổi lên hai đòi hỏi chính:

Một là: Chủ động thu hút chọn lựa đúng dự án đã được định hướng theo nguyên tắc “đa phương hóa, đa dạng hóa đối tác” đầu tư, để đảm bảo hiệu quả cao hơn, thiết thực hơn đối với Việt Nam trong giai đoạn tới;

Hai là: Kết nối hữu cơ với kinh tế trong nước phát triển bền vững, nâng cao tính độc lập tự chủ của nền kinh tế, bảo đảm được an ninh, quốc phòng trên mặt trận kinh tế.

Từ cách đặt vấn đề như vậy, có thể nêu tóm tắt nhiệm vụ mới của thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài trong bối cảnh mới là: “vừa thu hút đầu tư nước ngoài - vừa xây dựng nền kinh tế tự cường”, với yêu cầu: đầu tư nước ngoài trong giai đoạn tới phải mang lại hiệu quả cao hơn, thiết thực hơn đối với Việt Nam và phải góp phần xây dựng được nền kinh tế tự cường, trong đó tập trung cho phát triển kinh tế tư nhân.

I. Về nhiệm vụ thứ nhất: Đầu tư nước ngoài trong giai đoạn tới phải mang lại hiệu quả cao hơn, thiết thực hơn đối với Việt Nam

1. Tiếp tục thúc đẩy các mặt tích cực của đầu tư nước ngoài đã đạt được trong thời gian qua

Đầu tư nước ngoài đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, với các đóng góp không nhỏ: nguồn vốn này chiếm bình quân 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đóng góp ngày càng lớn cho tăng trưởng kinh tế (GDP) - ở mức cao từ 15,04% giai đoạn 1988-1996 đến 27,6% giai đoạn 2010-2017. Trong giai đoạn này, FDI đóng góp tương đương 1,68 điểm phần trăm trong mức tăng trưởng GDP bình quân 6%/ năm giai đoạn 2010-2017. Vốn FDI cũng là lực lượng thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, đặc biệt là thông qua hoạt động đầu tư tập trung vào lĩnh vực công nghiệp (với 62,7% vốn FDI đầu tư vào sản xuất công nghiệp chế tạo chế biến); FDI cũng đóng vai trò quan trọng bậc nhất vào thành tích mở rộng thị trường xuất khẩu và chiếm trên 70% tổng kim ngạch sản lượng xuất khẩu của cả nước; Đóng góp trên 25,8% vào tổng thu ngân sách nhà nước năm 2019 (xem chi tiết ở mục “đóng góp của FDI” tại Chương 2 cuốn sách).

2. Khắc phục các mặt tiêu cực của đầu tư nước ngoài, tăng giá trị nhận được từ đầu tư nước ngoài trong giai đoạn mới

Các đóng góp đó của FDI thực không nhỏ, nhưng phân tích sâu, sẽ thấy rõ những gì Việt Nam thu được từ FDI còn chưa tương xứng với khối lượng lớn FDI mà chúng ta đã thu hút được để đáp ứng “sứ mệnh lịch sử” mà chúng ta kỳ vọng vào FDI trong việc giải quyết các vấn đề phát triển đang đòi hỏi, cũng như nhu cầu hiện tại về vốn đầu tư của Việt Nam. Xin nêu vài ví dụ: khi đã bỏ ra một lượng vốn lớn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đường sá, cầu cống, sân bay, bến cảng,... và cả chi phí để bảo vệ môi trường từ các sự cố về môi trường nói chung và từ khối doanh nghiệp FDI nói riêng, thì những gì Việt Nam đã nhận được từ FDI còn quá khiêm tốn so với công sức và tiền của bỏ ra. Minh họa cụ thể:

Về xuất khẩu: mặc dù lượng hàng xuất khẩu của khu vực kinh tế FDI chiếm khoảng 70% tổng khối lượng hàng xuất khẩu của Việt Nam hiện nay (năm 2018 tỉ trọng xuất khẩu không kể dầu thô là 70,5%, năm 2019 là 67,8%), nhưng về giá trị thực Việt Nam nhận được chủ yếu là tiền lương (cơ bản là tiền lương thấp) nhận được của lực lượng lao động (cơ bản là lao động kỹ năng thấp) làm việc cho các doanh nghiệp FDI có xuất khẩu này. Lý do: hiện trên 80% các doanh nghiệp FDI là các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Đây là các doanh nghiệp xuất khẩu, do vậy, toàn bộ giá trị hàng xuất khẩu thu được thuộc về họ. Các doanh nghiệp Việt Nam không cung cấp được các nguyên vật liệu, linh kiện phụ kiện đầu vào cho sản xuất hàng xuất khẩu. Các nhà đầu tư nước ngoài phải nhập khẩu. Tình trạng không tham gia được trực tiếp vào sản xuất, cũng không cung cấp được nguyên vật liệu, linh kiện đầu vào, nên các doanh nghiệp Việt Nam chưa tham gia được vào chuỗi sản xuất giá trị toàn cầu do năng lực sản xuất còn yếu như vậy.

II. Về nhiệm vụ thứ hai: Thông qua đầu tư nước ngoài góp phần xây dựng được nền kinh tế tự cường, trên cơ sở tập trung mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế tư nhân và nâng cao vai trò, trách nhiệm của các doanh nghiệp nhà nước

Bao gồm các nhiệm vụ cụ thể sau của công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài:

1. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp tư nhân trong nước hợp tác đầu tư được với các doanh nghiệp nước ngoài¹: khuyến khích hình thức hợp tác thành lập công ty liên doanh, công ty cổ phần có các doanh nghiệp Việt Nam tham gia,... không khuyến khích hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài, vừa tạo được mối liên kết giữa doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp nước ngoài, vừa hạn chế được các tiêu cực phát sinh trong quá trình đầu tư và kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn nước ngoài tại Việt Nam;

2. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân. Chọn lựa ra các doanh nghiệp tư nhân tiêu biểu trong từng lĩnh vực, ngành nghề, tạo điều kiện và khuyến khích các doanh nghiệp này hợp tác đầu tư với nước ngoài. Có chính sách dành các ưu đãi nhất định cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia hợp tác, liên doanh với nước ngoài;

3. Thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ phát triển, có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam, từ đó tăng cường được mối liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài.

Doanh nghiệp tư nhân Việt Nam lớn mạnh thông qua hợp tác với nước ngoài, cùng với công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam phát triển sẽ là nền tảng để Việt Nam có được nền kinh tế tự cường.

Với mục tiêu xuyên suốt đặt ra cho cuốn sách “FDI - Nhiệm vụ kép trong bối cảnh mới”, tại phần vừa trình bày ở trên tôi đã đề cập đến nhiệm vụ kép của FDI. Nhiệm vụ kép này sẽ tiếp tục được làm rõ hơn trong các Chương 4 và Chương 5 của cuốn sách. Đồng thời tôi cũng nêu một số nét đặc thù của bối cảnh mới. Đặc thù này được trình bày tại Chương 3 cuốn sách, khi đề cập về cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn, về ảnh hưởng và tác động của đại

¹ Một buổi chiều tháng 4/2021 trong buổi gặp mặt giữa Ngài Đại sứ một quốc gia phát triển cùng đại diện một số tập đoàn, công ty lớn của quốc gia này và một số bạn Việt Nam, mọi người rất tin tưởng ở giai đoạn phát triển mới, khi Ngài Đại sứ nhắc đến câu nói “ba không” của tân Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính: “Không nói khó với doanh nghiệp, Không nói không với doanh nghiệp, Không nói có với doanh nghiệp khi không làm”.

dịch toàn cầu Covid-19 đến kinh tế, đầu tư toàn cầu, về khả năng dịch chuyển của chuỗi cung ứng toàn cầu.

Do nhận thức: trong thời đại ngày nay, bị xâm phạm chủ quyền quốc gia, thậm chí mất một phần lãnh thổ vẫn chưa phải là mất hết, điều đáng lo ngại hơn là mất độc lập, tự chủ của nền kinh tế quốc gia với sự xâm lấn mềm, khống chế bằng kinh tế của một quốc gia khác. Sự xâm lấn “mềm” bằng kinh tế, thông qua con đường đầu tư, còn nguy hại không kém, nếu không nói là hơn sử dụng súng ống vũ trang trực diện để cướp lãnh thổ đất đai. Vấn đề là ở chỗ, do sự xâm lấn “mềm” bằng kinh tế thông qua đầu tư nhiều khi khó nhận biết những âm mưu ẩn giấu phía sau hoặc những tổn hại do chính sự sơ suất vô tình hay yếu kém của phía nhận đầu tư gây ra: Quyền lợi, lợi ích trước mắt gắn với việc đầu tư, “làm ăn” với nước ngoài thỏa mãn nhu cầu bức bách của một bộ phận dân chúng trong các nước nghèo, đang phát triển, bao gồm cả một số cá nhân, doanh nhân hiểu biết, thậm chí giúp Chính phủ các nước sở tại đáp ứng một số yêu cầu bức bách, mang tính tình thế, nhiều khi họ còn bằng lòng với cách sống và cách “làm ăn” đó, nên trong nhất thời, lợi ích chiến lược quốc gia bị che lấp. Các đối tượng này đã không nhận ra rằng, nếu để nền kinh tế quốc gia không độc lập tự chủ được, bị phụ thuộc vào vốn đầu tư nước ngoài, tức là phải ưu tiên phục vụ lợi ích đầu tư nước ngoài thì quốc gia đó trở thành một quốc gia đi làm thuê, bị loại khỏi quỹ đạo phát triển tự cường và khó có cơ hội để vươn lên. Một quốc gia khi bị phụ thuộc về kinh tế, đã đi làm thuê sẽ bị nước ngoài điều hành, dẫn dắt, phải làm theo “ý ông chủ” (như “osin” trong thời đại mới hiện nay), dẫn đến bị phụ thuộc chính trị, quân sự, sống theo cách sắp đặt của “ông chủ”, văn hóa bị đồng hóa, tên tuổi quốc gia, hình ảnh dân tộc bị lu mờ.

Với mong muốn đất nước không bị rơi vào tình thế đó, nên cuốn sách đã được mang tên: “FDI - Nhiệm vụ kép trong bối cảnh mới”, mà “xây dựng nền kinh tế tự cường” là nội dung then chốt nhất của cuốn sách, vì vậy trong cuốn sách sẽ trình bày sâu hơn về phát triển thành phần kinh tế tư nhân, phát triển công nghiệp hỗ trợ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao,... và không quên nhắc lại các bài học trong quá khứ không nên quên, mong được tất cả các bạn đọc chia sẻ.

Xin chân thành cảm ơn tất cả các bạn đọc.

*P*REFACE

FDI- DUAL TASK IN THE NEW CONTEXT

The phrase “dual task” came into use in Vietnam right after the outbreak of the Covid-19 pandemic in Wuhan, China at the end of 2019. The phrase showcases the determination of the government and the people of Vietnam to both prevent the pandemic and develop the economy. Though without an express name, this spirit has been with Vietnam throughout the past more than 4,000 years of building and defending the country. Thanks to implementing this dual mission, foreign invaders could never beat down the Vietnamese spirit and assimilate its people. Whatever the future may hold, this spirit will help Vietnamese people present a unity based on our love for our country.

A series of questions need to be answered: with the world in turmoil, how will Vietnam continue its tradition of both building and defending the country to stand firm in a world that is increasingly integrated and competitive? Will Vietnam be able to catch up with the world to stand shoulder-to-shoulder with the great countries of the seven continents? Will Vietnamese people be able to keep their rich culture and traditions to stay self-reliant or will they depend on other countries for development?

The emphasis on the above questions is not an accident or overstatement of Vietnam’s development situation. Like many other emerging economies, Vietnam must take advantage of its status as a latecomer and turn FDI into an important driver of its economy. However, the past hundreds of years have shown that along with benefits, FDI also poses risks for countries receiving capital inflows. If the country knows how to use FDI, it will be a potent tool for development. Otherwise, the country will have to deal with unexpected consequences, including a slow, underdeveloped domestic private sector and the country gradually losing its autonomy and resilience, slipping into subservience and servitude.

In the new context, the global political and economic situation is not conducive of foreign investment as the Covid-19 pandemic continues to arrest the growth of the largest economies. The rivalry of powerful countries, especially the trade war between the US and China, continues with no end in sight.

However, the bigger challenge in the new context is that Vietnam needs to deeply integrate into the global economy, with a new generation of free trade agreements, connecting with the world's most developed partners by offering the most "open" conditions.

In addition, the global economy is being disrupted by the Fourth Industrial Revolution and diseases, profoundly changing the structure of the global economy, accelerating the gradual transformation from traditional to high-tech or digital economy with automated production, which can save enterprises tremendous amounts of money, human resources and time. However, progress requires strong enough human resources with a solid sci-tech base.

In the above context, in order to achieve sustainable development with limited resources, Vietnam needs to mobilise all of its resources to invest in technology and train a high-quality labor force. In order to achieve its ambitions, Vietnam must continue to increase foreign investment cooperation to obtain a good, solid external capital source to support its socio-economic development outlined by Resolution No. 50-NQ/TW to help Vietnam overcome difficulties and solve challenges. These ambitions require new tasks for foreign investment co-operation, notably:

- Proactive and selective foreign investment attraction and cooperation, with quality, efficiency, technology and environmental protection being the major assessment criteria. Priority should be given to projects applying advanced technology, high technology, clean technology, modern governance, high added value, spillover effects and connections with the global supply and production chains.
- Further diversify investment co-operation modes and promote links between foreign-invested and domestic private enterprises in line with the country's economic restructuring and sustainable

development agenda towards increasing the self-reliance of the local economy.

From the determined targets, the country has issued two requirements for foreign investment co-operation. Namely:

- Proactively attracting and selecting the right projects which align with the principle of “multilateralization and diversification of partners” to ensure better efficiency and more practical contributions to Vietnam’s growth in the coming period;
- Increasing linkages between foreign-invested enterprises and domestic actors in order to ensure sustainable development while improving the independence and autonomy of the economy.

The new task of foreign investment co-operation can be summed up in the new context as “both attracting foreign investment capital and building a resilient economy” with the requirement that the foreign investment sector has to make more significant contributions to Vietnam’s growth.

I. Regarding the first task, foreign investment in the coming period must bring higher and more practical efficiency to Vietnam

1. Continuing to promote the achievements created by the FDI sector in recent years

Foreign investment contributes to promoting socio-economic development. This capital source accounts for 25 percent of the total social investment capital on average, with its contribution to GDP going from 15.04 percent in 1988-1996 to 27.6 percent in 2020, contributing 1.68 percent from the average 6 percent growth rate in 2010 - 2017. Besides, it has contributed to the economic restructuring with 62.7 percent of FDI capital inflows invested in the manufacturing and processing industry. The total export turnover of this sector accounts for 70 percent of the country’s export value. Furthermore, it contributed 25.8 percent to the state budget in 2019 (see details in “FDI contributions” section in Chapter 2 of the book).

2. Dealing with the shortcomings of foreign investment and increasing the effectiveness of the FDI sector

While the contributions of the FDI sector are not small, however, the contributions of FDI to socio-economic development are not proportionate with the capital Vietnam spends on building infrastructure to attract FDI, or expenses to deal with environmental incidents.

Although the export turnover of the FDI sector accounts for about 70 percent of the country's export turnover (in 2018 the proportion of exports, excluding crude oil, was 70.5 percent while the figure in 2019 was 67.8 percent), however, in reality, the greatest added value coming from FDI is in the form of wages while little added value is generated for other sectors as localization ratios are still relatively low. Vietnamese manufacturers cannot become component and parts suppliers for FIEs, as a result, domestic enterprises have not been able to break into the global supply chain.

II. Second task: taking advantage of foreign investment to build a resilient economy on the basis of concentrating all power sources to develop the private economy while simultaneously improving the role and responsibility of state-owned enterprises.

State management task for foreign investment:

- Creating favorable conditions for private enterprises to co-operate with foreign investors² by encouraging the establishment of joint ventures, joint-stock companies, which will create linkages between domestic and foreign-invested businesses while simultaneously limiting shortcomings in the operations of FIEs;
- Training high-quality human resources for Vietnamese enterprises, especially the private sector. Selecting outstanding private enterprises

² On evening April 2021, at a meeting with an Ambassador and a business delegation from a developed country, great faith was shown they in the new development period. The Ambassador lauded the “three don’ts” principle of Prime Minister Pham Minh Chinh, which is: Don’t say “no”, Don’t say “difficult”, and Don’t say “yes” but then take no action.

in each sector to create favorable conditions and encourage them to co-operate with foreign investors. Offering incentives for domestic companies co-operating with foreign partners;

- Promoting the development of supporting industry, offering incentives for domestic enterprises operating in the supporting industry;

The growth of Vietnamese private enterprises through foreign cooperation, along with the development of Vietnamese supporting industries, will be the foundation for Vietnam to achieve a resilient economy.

The dual task of the title “FDI: Dual task in the new context” will be clarified in Chapters IV and V. At the same time, I also outline some of the characteristics of the new context in Chapter 3 when I go into detail about the global strategic competition and trade war among large economies and the impact of the Covid-19 pandemic on the global economy as well as shifting supply chains.

These days, losing territory is not a total loss; more concerning is the loss of independence and autonomy of the national economy suffered through soft encroachment and economic domination from other countries. This mild economic encroachment is in some ways even more dangerous than conquering armies as it is far more insidious and difficult to recognize. If the nation cannot keep its economy independent and autonomous, it will only work for other countries, forever kept from rising.

With the desire that the country will not fall into this trouble, the book has been titled: “FDI: Dual task in the new context”, with the key goal of “building a resilient economy”. Thus, there will be more in-depth details on the development of the private economy, the development of supporting industries, the development of high-quality human resources, etc., and I also remind readers of unforgettable lessons from the past. I am looking forward to receiving replies from all readers.

Sincerely, I would like to thank all of you./.